

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 14-01-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Công Tạo

2. Ông Nguyễn Văn Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 221/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST - HS ngày 23 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Đ, sinh ngày 02/01/1990 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: 78/20/2 Đ, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị C; bị cáo có vợ là Phạm Thị Hồng H và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 13/9/2024 đến ngày 27/9/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh. (Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Anh K, sinh ngày 08/8/1994 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Tổ A, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T1 và bà Huỳnh Thị Vân A; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 13/9/2024 đến ngày 27/9/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh. (Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Văn H1, sinh ngày 12/02/1988 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình

độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T2; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Phương T3 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 13/9/2024 đến ngày 27/9/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh. (Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Công ty CP T6

Địa chỉ: Khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng P – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đăng N – Chức vụ: Phó giám đốc điều hành sản xuất.

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Văn T4 – Chức vụ: Phó giám đốc (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Lương Thanh C1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Trần Anh T1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ A, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Đ là công nhân của Công ty Cổ phần T6 (gọi tắt là Công ty T6), có địa chỉ tại khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đ được Công ty T6 giao nhiệm vụ tháo, lắp chốt khóa gù bằng kim loại phế liệu (gù container) trên tàu tại C thuộc Khu công nghiệp P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong quá trình làm việc tại đây, Đ thấy có nhiều gù container phế liệu được tập kết dưới gầm Văn phòng đại diện của Công ty T6 được đặt tại Cảng SSIT và không cử người trông coi nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp số gù container phế liệu bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện hành vi trộm cắp, Đ đã gặp Trần Anh K là nhân viên cũ của Công ty T6 và bàn bạc với K cùng nhau lấy trộm số gù container phế liệu bán lấy tiền chia nhau thì K đồng ý. Cả 02 thống nhất Đ sẽ chuyển các gù Container ra ngoài, còn K mang xuống gắn máy (thường gọi là vỏ lãi) đến chở đi tiêu thụ.

Đến 21 giờ, ngày 11/9/2024, Đ gọi điện nói K chạy vỏ lãi đến đậu ở phía sau văn phòng Công ty T6 còn Đ lấy trộm 493 cái gù container phế liệu bỏ xuống

vỏ lãi. Sau đó, K chở số gù trên đến khu vực cổng thủy lợi (bến bà P2) thuộc thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bốc 493 gù Container phế liệu bỏ lên bờ rồi K gọi điện thoại cho Lê Văn H1 là người làm nghề thu mua phế liệu để bán. H1 biết rõ 493 chiếc gù Container phế liệu là do K trộm cắp được mà có nhưng vì ham rẻ nên H1 đồng ý mua của K với giá 6000 đồng/01 kg. H1 gọi cho Nguyễn Văn P1 và Lương Thanh C1 là người bốc hàng thuê cho H1 điều khiển xe ba gác đến điểm hẹn chở số gù Container phế liệu mà H1 mua của K đem về tiệm ve chai của H1 tại thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. P1, C1 và K cùng nhau bốc số gù C2 lên xe ba gác. Khi đang bốc dở thì K đi đón ông Trần Anh T1 và bà Huỳnh Thị Vân A đến địa điểm bốc hàng. Lúc này, ông T1 thấy chưa bốc xong số gù Container phế liệu lên xe ba gác thì ông T1 ở lại bốc phụ còn K chở bà Vân A đi chợ. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 12/9/2024, khi T1, P1, C1 đang bốc số gù Container phế liệu trên lên xe ba gác thì bị lực lượng tuần tra Trạm Cảnh sát đường thủy Công an thị xã P phát hiện lập biên bản thu giữ 493 chiếc gù Container phế liệu trên.

Tại Cơ quan CSĐT Công an thị xã P, Phạm Văn Đ, Trần Anh K và Lê Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại biên bản xác định trọng lượng ngày 18/9/2024 xác định 493 chiếc gù Container phế liệu trên có tổng trọng lượng là 2.230kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐ.ĐGTS ngày 24 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng định giá UBND thị xã P kết luận: 2.230kg sắt phế liệu. Tại thời điểm ngày 11/9/2024, tài sản có giá trị là: $9000\text{đ/kg} \times 2.230\text{kg} = 20.070.000\text{đồng}$.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại 493 chiếc gù Container phế liệu cho Công ty T6 theo Quyết định xử lý vật chứng số 2052/QĐ ngày 12/11/2024. Ông Lê Văn T4 là đại diện của Công ty T6 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với 03 chiếc điện thoại di động của Phạm Văn Đ, Trần Anh K và Lê Văn H1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, khi biết sự việc bị phát hiện. Các bị cáo Đ, K và H1 đã vứt bỏ nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã P chưa thu hồi được; 01 chiếc vỏ lãi K sử dụng chở tài sản trộm cắp là tài sản hợp của bà Huỳnh Thị Vân A cho K mượn, bà A không biết K sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trao trả lại cho bà A; 01 xe ba gác thu giữ của Lê Văn H1 đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ quản lý chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty T6 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra Phạm Văn Đ, Trần Anh K khai nhận: Cũng với thủ đoạn như vụ trộm cắp nêu trên thì từ tháng 8/2024 đến ngày 09/9/2024 Đ và K đã cùng

nhau 03 lần trộm cắp gù Container phế liệu bằng kim loại, với tổng khối lượng 1.830 kg của Công ty T6 và bán cho Lê Văn H1 được số tiền 9.000.000 đồng. Sau đó, H1 mang toàn bộ số gù Container phế liệu đã mua được của Đ và K đến bán lại cho vựa phế liệu của anh Phạm Văn H2, sinh năm: 1987 ở khu phố Q, phường P thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được 9000 đồng/01kg. Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã làm việc với đại diện của Công ty T6 nhưng Công ty T6 không xác định được việc trong khoảng thời gian trên Công ty có bị mất trộm gù Container phế liệu hay không, không cung cấp được phiếu kê khai tài sản, số lượng Container phế liệu bị mất trộm trước đây (theo lời khai của Đ và K) để tiến hành định giá. Cơ quan Điều tra đã tiến hành yêu cầu định giá tài sản theo lời khai của Đ, K và H1. Tuy nhiên, tại Bản kết luận định giá tài sản số 84/KL ngày 07/11/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã P kết luận: Không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (Không đủ cơ sở để xác định hiện trạng, nguồn gốc, khối lượng chính xác của tài sản). Do đó, với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ không đủ cơ sở để xử lý hình sự các lần trộm cắp trên của Phạm Văn Đ, Trần Anh K về tội “Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự; của Lê Văn H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với: Nguyễn Văn P1, Lương Thanh C1, Trần Anh T1 không biết số gù Container trên do Phạm Văn Đ và Trần Anh K trộm cắp mà có bán lại cho Lê Văn H1 nên P1, C1, T1 mới giúp K và H1 vận chuyển. Do đó, hành vi của P1, T1, C1 không đồng phạm với Phạm Văn Đ, Trần Anh K và Lê Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên không xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 194/CT-VKS ngày 29/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Phạm Văn Đ, Trần Anh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Văn H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Anh K về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Văn H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Phạm Văn Đ mức án từ 18 tháng đến 24 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Trần Anh K mức án từ 15 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 40 tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Lê Văn H1 mức án từ 14 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 36 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty T6 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ba gác tự chế của Lê Văn H1, bị cáo đã sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Anh K, Lê Văn H1 khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Anh K, Lê Văn H1 nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật truy tố:

[2.1]. Về hành vi trộm cắp tài sản:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản chỉ dẫn hiện trường, do đó có căn cứ xác định:

Khoảng 21 giờ, ngày 11/9/2024, tại C thuộc Khu công nghiệp P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phạm Văn Đ và Trần Anh K đã có hành vi cùng nhau lén lút lấy trộm 493 chiếc gù Container phế liệu bằng sắt (tổng trọng lượng 2.230kg), trị giá 20.070.000 đồng của Công ty Cổ phần T6. Đến 04 giờ 30 phút ngày 12/9/2024, K mang số gù Container phế liệu trên đến khu vực cổng thủy lợi (bến bà P2) thuộc thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bán cho Lê Văn H1. Lê Văn H1 biết rõ nguồn gốc số gù Container trên do K trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ nên vẫn đồng ý mua với giá 6.000 đồng/01kg, khi H1 đang vận chuyển số sắt phế liệu trên thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Do đó, hành vi của các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Anh K thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

Bị cáo Lê Văn H1 tuy không hứa hẹn trước nhưng khi Trần Anh K liên hệ bán số gù Container, mặc dù K không nói cho bị cáo biết số gù container K bán cho bị cáo là do K và Đ trộm cắp mà có, tuy nhiên hàng hoá bị cáo mua là loại hàng đặc chủng chỉ có trong các cảng đồng thời dựa vào thời gian K giao hàng cho H1 thì H1 biết rõ số lượng gù C2 không phải là tài sản của K mà do K trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với mục đích bán lại kiếm lời.

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn H1 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty Cổ phần T6, ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Trong vụ án này các bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc, câu kết, phân công vai trò cụ thể và chặt chẽ. Do vậy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

Trong vụ án này bị cáo Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ K tham gia do đó bị cáo Đ tham gia với vai trò người khởi xướng, K tham gia với vai trò giúp sức tích cực.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Lê Văn H1, mặc dù bị cáo không hứa hẹn trước sẽ tiêu thụ các gù Container do K trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi nhuận nên bị cáo đã đồng ý mua.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đ, K, H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T6 có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó cần áp dụng điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Về mức hình phạt:

Đối với bị cáo Đ là người khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội và rủ K cùng thực hiện. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đối với Trần Anh K, khi được Đ rủ rê bị cáo đã tích cực tham gia, bị cáo đã trực tiếp liên hệ với H1 để tiêu thụ tài sản trộm cắp nên tham gia với vai trò tích cực. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Đối với Lê Văn H1, vì ham lợi nhuận nên đã thu mua khối lượng lớn gù container mà K đem bán. Do đó đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần T6 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ba gác tự chế của Lê Văn H1, bị cáo đã sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8]. Về các vấn đề khác: Quá trình điều tra Phạm Văn Đ, Trần Anh K khai nhận: Cũng với thủ đoạn như vụ trộm cắp nêu trên thì từ tháng 8/2024 đến ngày 09/9/2024 Đ và K đã cùng nhau 03 lần trộm cắp gù Container phế liệu bằng kim loại, với tổng khối lượng 1.830 kg của Công ty T6 và bán cho Lê Văn H1 được số tiền 9.000.000 đồng. Sau đó, H1 mang toàn bộ số gù Container phế liệu đã mua được của Đ và K đến bán lại cho vựa phế liệu của ông Phạm Văn H2, được 9000 đồng/01kg. Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã làm việc với đại diện của Công ty T6 nhưng Công ty T6 không xác định được việc trong khoảng thời gian trên Công ty có bị mất trộm gù Container phế liệu hay không, không cung cấp được phiếu kê khai tài sản, số lượng Container phế liệu bị mất trộm trước đây (theo lời khai của Đ và K) để tiến hành định giá. Cơ quan Điều tra đã tiến hành yêu cầu định giá tài sản theo lời khai của Đ, K và H1. Tuy nhiên, tại Bản kết luận định giá tài sản số 84/KL ngày 07/11/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã P kết luận: Không thể xác định giá do không đủ thông tin để tiến hành xác định giá trị (Không đủ cơ sở để xác định hiện trạng, nguồn gốc, khối lượng chính xác của tài sản). Do đó, với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ không đủ cơ sở để xử lý hình sự các lần trộm cắp trên của Phạm Văn Đ, Trần Anh K về tội “Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự; của Lê Văn H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với: Nguyễn Văn P1, Lương Thanh C1, Trần Anh T1 không biết số gù Container trên do Phạm Văn Đ và Trần Anh K trộm cắp mà có bán lại cho Lê Văn H1 nên P1, C1, T1 mới giúp K và H1 vận chuyển. Do đó, hành vi của P1, T1, C1 không đồng phạm với Phạm Văn Đ, Trần Anh K và Lê Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên không xử lý.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Anh K, Lê Văn H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Anh K phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Văn H1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Văn Đ 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2025).

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường A1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Phạm Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Anh K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2025).

Giao bị cáo Trần Anh K cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Trần Anh K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Văn H1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2025).

Giao bị cáo Lê Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Lê Văn H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, nếu phạm tội mới thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe ba gác máy màu xanh, không biển số, lóc máy ghi chữ YINXIANG, số máy: 162ML-21H000184, số khung: FLJ1008B110171, xe thiếu nhiều bộ phận, xe đã rỉ sét, hư hỏng nặng và không hoạt động.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 34/BB-CCTHADS ngày 02/01/2025).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ, Trần Anh K, Lê Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn).

6. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV 06 - Công an tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Xuân Thường

